

thể không biết tới những thay đổi lớn lao đó, nhưng giới thiệu như thế nào để tiếp thu có phê phán là nhiệm vụ của cả người dạy và người học. Cho nên việc lựa chọn nội dung cập nhật trong "Phần mềm" của ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc là điều cần suy nghĩ. Theo tôi, ở trình độ nâng cao nên hướng vào các chủ điểm: Sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội, ngoại giao, mậu dịch, khoa học kỹ thuật, du lịch và môi trường. Chọn các bài đọc và dịch xuôi ngược theo những chủ điểm đó dùng vào việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp là nội dung cập nhật mà khoa Trung đã thực nghiệm trong những năm gần đây có hiệu quả. Những bài đọc dịch xuôi ngược có tính thời đại đã cung cấp những kiến thức cập nhật và tạo tâm lý hứng thú cho người học, đồng thời cũng là chiếc cầu nối văn hóa hai nước Việt - Trung mà người học có được khi ra trường để khỏi bỡ ngỡ trước cuộc sống và công việc. Đó cũng là định hướng trong chương trình dịch ở giai đoạn nâng cao của hệ phiên dịch mà khoa Trung vạch ra thực hiện, chúng tôi sẽ có dịp trình bày trong một chuyên đề khác.

3. Vài lời kết

Dạy thành tố văn hóa Trung Quốc trong dạy tiếng Hán là một nội dung xuyên suốt quá trình giảng dạy. Văn hóa và ngôn ngữ luôn gắn bó với nhau. Giáo dục tri thức văn hóa là một bộ phận quan trọng trong chương trình giảng dạy ngoại ngữ nói chung và dạy tiếng Trung Quốc nói riêng. Yếu tố văn hóa là rất quan trọng, nằm ngay trong nội dung chương trình giảng dạy tiếng ở hai mảng: tri thức văn hóa giao tiếp và tri thức văn hóa chung. Nội dung hệ thống chủ đề văn hóa đất nước học cần được lồng vào hệ thống bài đọc thực hành nhưng cũng cần được giới thiệu khái quát ở bộ môn Đất nước học Trung Quốc với các chuyên đề đã nêu ở trên.

Trong giảng dạy tiếng Hán cho học sinh Việt Nam cùng với việc đối chiếu ngôn ngữ Hán - Việt cần đối chiếu hai nền văn hóa để xác định nội dung "phần cứng" nhưng cũng phải đưa vào "phần mềm" của chương trình. Đó chính là định hướng hiện nay cho việc biên soạn chương trình và tài liệu giảng dạy tiếng Hán ở mảng tri thức văn hóa đất nước học. Chúng tôi nêu vài ý kiến chưa thật đầy đủ vì mới chỉ bước đầu suy nghĩ thực nghiệm chương trình, hy vọng sau này có dịp trình bày thêm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thiên Mục. *Giáo học pháp ngoại ngữ hiện đại*. Nxb Học viện Ngôn ngữ Bắc Kinh, 1987.
2. "Ngôn ngữ", số 7, năm 1999 và các tập san "Ngoại ngữ" ĐHNH - ĐHQGHN.
3. Vương Thuận Hồng. *Trung Quốc khái hướng*. Bắc Kinh, 1994.
4. Phương pháp dạy - học bộ môn theo tinh thần đổi mới đào tạo Đại học. (Kỷ yếu Hội nghị nghiên cứu khoa học ĐHNH - ĐHQG Hà Nội, 1998).
5. Lê Văn Tâm. *Giáo học pháp Hán ngữ*. Hà Nội, 1996.
6. Lã Tất Tùng. *Hoa ngữ giáo học giảng tập*. Bắc Kinh, 1989.

TRI THỨC NGÔN NGỮ - VĂN HÓA - ĐẤT NƯỚC HỌC - BÌNH DIỆN THỨ BA CỦA NỘI DUNG DẠY - HỌC NGOẠI NGỮ

TS. VŨ QUỐC THÁI

*Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Nga
Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội*

Các nhà giáo học pháp, các nhà ngôn ngữ, các nhà nghiên cứu văn hóa, các giáo viên ngoại ngữ trên thế giới nói chung, cũng như ở Việt Nam nói riêng vào những năm cuối của thế kỷ XX đã có quan điểm tương đối thống nhất về sự cần thiết của ba bình diện bắt buộc trong nội dung việc dạy - học ngoại ngữ. Bình diện thứ nhất bao gồm các kiến thức ngôn ngữ và bình diện thứ hai - tổng hợp các kỹ năng, kỹ xảo lời nói - giành được sự thống nhất cao cả về cách tiếp cận

và cả nội dung của nó. Ở hai bình diện này, người ta không còn tranh cãi về lý luận trong việc cần phải dạy - học gì để người học có được khả năng giao tiếp cao nhất. Riêng về bình diện thứ ba của nội dung thì chưa có được một cách tiếp cận đồng nhất. Trên thế giới, cũng như trong mỗi quốc gia hiện có rất nhiều trường phái xem xét khác nhau. Tuy vậy, sự khác biệt chỉ mang tính phương pháp luận hay tên gọi mà thôi, nhưng mọi trường phái đều thống nhất về sự hiện diện cần thiết của bình diện thứ ba trong nội dung dạy - học ngoại ngữ. Nó là điều kiện cuối cùng để nuôi dưỡng hoạt động lời nói bằng thứ tiếng nước ngoài được hoạt động như một hoạt động sáng tạo xã hội bản năng của một con người có hai bức tranh dân tộc cùng tồn tại trong một môi trường đất nước, văn hóa nhất định. Dưới đây chúng ta sẽ cùng đi sâu cụ thể về ba bình diện của nội dung dạy - học này.

Bình diện thứ nhất của nội dung bao gồm các kiến thức ngôn ngữ (лингвистические знания / linguistic knowledge). Đây là bình diện có ít tranh cãi nhất từ trước đến nay và luôn luôn được coi là cơ sở quan trọng đầu tiên trong nội dung dạy - học ngoại ngữ. Tuy vậy, ở đây cũng có sự tiến bộ quan trọng trong khoa học giáo học pháp được thể hiện ở sự phân biệt ranh giới giữa hai thuật ngữ khái niệm gần nhau nhưng không đồng nhất trong nội dung dạy - học ngoại ngữ là **ngôn ngữ** và **tiếng** (лингвистика и язык / linguistic and language). Trong thuật ngữ giáo học pháp từ **tiếng** (язык - language) chỉ một hệ thống của các tín hiệu ngôn ngữ: phương tiện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp với chức năng là phương tiện giao tiếp của con người. Còn **ngôn ngữ** trong việc dạy - học tiếng nước ngoài lại bao gồm hệ thống các quy luật của cơ cấu và của chức năng ngôn ngữ nói chung của con người. Ngôn ngữ xác định khối lượng và tính chất ngữ liệu tiếng cần thiết, cũng như tìm ra các nhóm khó khăn trong mối liên quan chuyển di giữa hai thứ tiếng và trong bản thân của mỗi thứ tiếng. Nội dung ngôn ngữ của việc dạy - học được thông qua các bình diện của tiếng (ngữ âm, chữ viết, chính tả, từ vựng, ngữ pháp), các cấu trúc lời nói (độc thoại, hội thoại viết hay nói) và các đơn vị lời nói (mẫu câu, lời nói, văn bản).

Bình diện thứ hai của nội dung dạy - học ngoại ngữ chứa đựng **tổng hợp các kỹ năng, kỹ xảo lời nói** cần thiết cho việc thực hành học tiếng ở các lĩnh vực và tình huống giao tiếp khác nhau. Dựa vào thuyết về ba bình diện của các hiện tượng ngôn ngữ do nhà ngôn ngữ Nga nổi tiếng L.V. Sherba (bao gồm *ngôn ngữ, lời nói, hoạt động* lời nói), nhà giáo học pháp, tâm lý ngôn ngữ học nổi tiếng Liên Xô cũ Y.A. Zimnhia đã tìm ra đối tượng chính của việc dạy - học ngoại ngữ - hoạt động lời nói chứa đựng trong bản thân cả ngôn ngữ và lời nói như là phương tiện bên trong và các phương thức biểu hiện lời nói. Nội dung dạy - học ngoại ngữ trở thành dạy hoạt động lời nói, tức là tạo ra được các kỹ năng, kỹ xảo lời nói của bốn mặt hoạt động lời nói (nói, nghe, đọc, viết).

Bình diện thứ ba của nội dung dạy - học ngoại ngữ có rất nhiều quan điểm, phương pháp luận trong cách tiếp cận. Tạm thời có thể liệt kê các phương pháp tiếp cận chính như sau:

Đầu tiên phải kể đến trường phái ngôn ngữ văn minh của Pháp. Chúng ta phải thừa nhận người Pháp là những người đầu tiên đã đưa ra bình diện thứ ba của nội dung cần phải dạy cho người học tiếng nước ngoài. Nhưng quan điểm của họ lại bị quá lạm dụng bởi các yếu tố văn hóa, xã hội, văn minh Pháp với mục đích xây dựng và mở rộng ảnh hưởng của nền văn minh Pháp cho các đối tượng học tiếng Pháp. Tuy vậy, sự ra đời của các giáo trình dựa trên cơ sở phương pháp xã hội học và tâm lý học cao, được biên soạn theo các đề tài văn học, xã hội cổ điển, hiện đại, đã tạo cho việc giảng dạy tiếng Pháp ở nước ngoài trong những năm 50-60 có được sức quyến rũ lớn và đã đạt được những thành công đáng khích lệ.

Nước Đức cũng đưa ra được quan điểm ngôn ngữ - nhân chủng học trong việc chọn bình diện thứ ba của nội dung dạy - học ngoại ngữ. Theo các nhà sáng lập của trường phái này (V. Apelt, E. Ottó) thì nhiệm vụ của họ là nghiên cứu các đặc trưng văn hóa dân tộc, nghiên cứu ngôn ngữ trong mối quan hệ chặt chẽ tinh thần, với tâm lý đặc trưng và sáng tạo của dân tộc Ghec-manh. Bằng cách tiếp cận này, người Đức, dựa vào vốn có truyền thống, đưa các thông tin đất nước học về địa lý, lịch sử, tổ chức nhà nước, văn đề chủng tộc và văn hóa dân tộc vào việc nghiên cứu ngôn ngữ. Trong khi các nhà phương pháp luận của Đức đặc biệt chú ý đến mối liên quan giữa văn hóa và ngôn ngữ, thì các nhà giáo học pháp tiếng Đức quan tâm nhiều hơn cả tới các hiện tượng văn hóa nước ngoài trong việc dạy ngôn ngữ của nó. Họ thậm chí còn cho rằng việc nắm vững các yếu tố văn hóa dân tộc là mục đích chính của việc dạy - học ngoại ngữ.

Nước Mỹ lại đề cao một cách tiếp cận khác - "hiểu biết văn hóa" (cultural literacy). Nhà phương pháp luận E.D. Hish đã đề cao vai trò đặc biệt của những hiểu biết về văn hóa trong quá trình giao tiếp. Ông đề cao từ vựng là mặt nổi bật của ngôn ngữ. Thông qua từ vựng để hiểu văn hóa. Họ tập trung chủ yếu tới đối tượng là từ ngữ tiếng Anh mà có chuẩn mực chung, riêng cho người Mỹ, như chính ngôn ngữ của dân tộc Mỹ nói chung, tức là so sánh - đối chiếu tiếng Anh nói riêng và khối các dân tộc nói tiếng Anh nói chung.

Tại Nga trong những năm 70-80 đã hình thành một trường phái ngôn ngữ - đất nước học có ảnh hưởng không chỉ tại Liên Xô, mà còn có ảnh hưởng nhiều trong ngành khoa học giáo dục pháp nói chung trên toàn thế giới. Thực chất của trường phái này là hướng đạo về đất nước học, nghiên cứu các đặc thù văn hóa dân tộc của tiếng nước ngoài và đối chiếu với tiếng mẹ đẻ, trong đó đối tượng nghiên cứu chính là ngôn ngữ nằm trong nền văn hóa đang được quan tâm. Điều này cũng dễ hiểu, vì vào thời kỳ đó đất nước Liên Xô đang là mô hình lý tưởng của một chế độ xã hội tương lai của loài người - chủ nghĩa cộng sản với những con người cộng sản mới. Hiện nay tại Cộng hòa Liên bang Nga cũng xuất hiện thêm một số khuynh hướng tiếp cận mới : văn hóa học, ngôn ngữ - văn hóa ...

Tóm lại, bằng việc điếm qua các phương pháp luận cơ bản khác nhau trên của các nhà khoa học mỗi nước, chúng ta thấy được một số điểm ưu việt và những hạn chế trong phương pháp luận của họ đối với việc tổ chức xây dựng nội dung dạy - học ngoại ngữ. Chúng ta, những người dạy - học tiếng Nga, Anh, Pháp như là một ngoại ngữ, cần phải khánh quan đánh giá hạn chế của các phương pháp đó trong việc áp dụng cho việc định đoạt nội dung của việc dạy - học ngoại ngữ của chúng ta :

Thứ nhất, các phương pháp đó đều bị chi phối bởi các nguyên nhân chủ quan của con người bản ngữ với mục đích thông qua ngôn ngữ để đề cao dân tộc bản ngữ về các mặt chính trị, xã hội, văn hóa, dân tộc ...

Thứ hai, các phương pháp dạy - học ngoại ngữ lại được xây dựng trên cơ sở của người bản ngữ dạy tiếng mẹ đẻ như một ngoại ngữ để xác định nội dung dạy ngoại ngữ cho người nước ngoài.

Thứ ba, các phương pháp trên không đề cập một cách đúng mực đến vấn đề bình diện ngôn ngữ - văn hóa - đất nước học của người bản ngữ sẽ được thể hiện thông qua ngoại ngữ mới như thế nào. Điều đó có nghĩa là nhiệm vụ các nhà giáo dục pháp ngoại ngữ Việt Nam với tư cách là những nhà ngôn ngữ - văn hóa - đất nước học Việt Nam là phải tham gia lựa chọn cho người học nội dung cần thiết nêu trên bằng ngoại ngữ đang được nghiên cứu. Đây chính là một mảng rất lớn của nhu cầu giao tiếp thực sự của người học trong quá trình học ngoại ngữ và vấn đề này đang chịu những chuyển di tiêu cực do không được chú ý đến trong các giáo trình dạy - học ngoại ngữ hiện nay ở Việt Nam.

Theo chúng tôi, phương pháp lựa chọn bình diện thứ ba của nội dung dạy - học ngoại ngữ phải bao gồm ba mặt như sau : ngôn ngữ - văn hóa - đất nước học. Yếu tố dân tộc, chủng tộc không thể đưa vào được, vì thực tế tiếng Anh không chỉ gắn với người Anh, cũng như tiếng Nga còn gắn liền với mười lăm nước cộng hòa. Hơn thế nữa, mỗi thứ tiếng của mỗi quốc gia không chỉ đại diện cho một dân tộc, vì trong mỗi quốc gia đều có sự tồn tại bình đẳng của rất nhiều dân tộc khác nhau.

Vậy *bình diện thứ ba* của nội dung dạy - học ngoại ngữ phải là **tri thức ngôn ngữ - văn hóa - đất nước học**. Cách tiếp cận này sẽ giúp giải quyết được nhiều bất đồng đang tồn tại trong các cách tiếp cận chủ yếu hiện nay. Hơn nữa, chúng ta nghiên cứu ngôn ngữ - văn hóa - đất nước học chỉ với góc độ để hoàn thiện công việc dạy - học ngoại ngữ, tức là chỉ dưới góc độ bình diện ứng dụng của các khoa học cơ bản và độc lập như ngôn ngữ, văn hóa, đất nước học vào việc dạy - học ngoại ngữ mà thôi. Trên thực tế, trong quá trình dạy - học ngoại ngữ, ta không thể đòi hỏi bình diện văn hóa phải được thể hiện một cách đầy đủ như trong hơn 500 định nghĩa khác nhau về nó, được định nghĩa như : dấu ấn của một tập thể cộng đồng lên mọi hiện tượng tinh thần, vật chất, mọi sản phẩm của tập thể cộng đồng này, từ tín ngưỡng, phong tục cho đến cả sản phẩm công nghiệp bán ra thị trường và ở đó ngôn ngữ cũng được coi là một hành tố của văn hóa. Một hiện tượng ngôn ngữ đối với người học ngoại ngữ không chỉ đơn thuần được coi là hiện tượng văn hóa, mà trước tiên nó là một hiện tượng ngôn ngữ có bao gồm

một nội dung văn hóa - đất nước học. Không thể có một hiện tượng ngôn ngữ - văn hóa nào mà không gắn liền với đất nước học, bởi ngôn ngữ mang nội dung văn hóa nhưng lại tồn tại trong một môi trường đất nước nhất định (Nội hàm của những từ Big bell, Красная плоть, Берёза ... không thể hiểu hết được nếu không gắn liền với đất nước nơi ngôn ngữ đó).

Đối với chúng ta, những người dạy - học ngoại ngữ ở ngoài môi trường tiếng, thì vai trò bình diện thứ ba của nội dung này càng quan trọng và nó cần phải được coi như là môi trường tiếng cho hoạt động lời nói được hình thành trên cơ sở hai nội dung ngôn ngữ và các kỹ năng lời nói. Một nhiệm vụ lớn lao nữa còn đang chờ những nhà giáo học pháp ngoại ngữ chúng ta phải hoàn thiện mặt thứ hai của bình diện thứ ba - đó là vấn đề bình diện nội dung ngôn ngữ - văn hóa - đất nước của người Việt Nam được thể hiện bằng ngôn ngữ đang được học như thế nào trong việc dạy - học ngoại ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Thị Kim Ngọc. Проблема языка и культуры при изучении иностранных языков. М., "Творчество", 1999.
2. Глухов Б.А., Щукин А.Н. Термины методики преподавания русского языка как иностранного. М., "Русский язык", 1993.
3. Леонтьев А.А. Основы психолингвистики. М., "Смысл", 1999.
4. Рождественский Ю.В. Введение в культуроведение. М., "Добрый свет. Черо", 1999.
5. Формановская И.И. Коммуникативно-прагматические аспекты единиц общения. М., ИРЯП, 1998.

VĂN HÓA VỚI VIỆC DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ

TS. NGUYỄN QUANG THUẤN

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Pháp

Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

"Dạy ngoại ngữ chính là dạy văn hóa của ngôn ngữ ấy".

1. Khái niệm về văn hóa

Theo Oxford & Anderson [18], văn hóa hơn những gì mà một người hay một nhóm người thường làm như ăn, uống, nghe, mặc trong một số tình huống cụ thể. Hall & Hall [10] dùng phép ẩn dụ so sánh văn hóa như một tầng băng trôi. Một số mặt của văn hóa như tín ngưỡng, nhận thức, các giá trị nằm trong cái vô thức tức là trong phần không nhìn thấy của tầng băng trôi, trong khi các mặt khác như quần áo, tập tục thuộc phần nổi trên mặt nước.

Từ khi xuất hiện từ văn hóa, đã có rất nhiều định nghĩa về khái niệm này. Tuy nhiên, khái niệm văn hóa, theo Kramsch [13], bao giờ cũng được nhìn nhận một cộng đồng hay một xã hội nào đó từ hai góc độ. Định nghĩa thứ nhất đến từ khoa học nhân văn văn, còn định nghĩa thứ hai đến từ khoa học xã hội. Thật vậy, khoa học nhân văn đặc biệt chú trọng tới những gì được biểu thị của một nhóm hay của một cộng đồng xã hội được nhìn nhận từ chính nhóm đó, cộng đồng đó hay từ của các nhóm, cộng đồng khác qua các sản phẩm văn học, nghệ thuật, các sản phẩm của cuộc sống để bảo đảm tính lâu dài và tính chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác của một cộng đồng hay một xã hội. Đối với khoa học xã hội, văn hóa là tổng hợp toàn bộ các đặc tính riêng của một cộng đồng hay một xã hội nào đó. Văn hóa bao hàm tất cả các phương diện của cuộc sống xã hội, thói quen, hành vi, cách suy nghĩ. Nói một cách khác, văn hóa bao hàm tất cả những cái chung của một cộng đồng hay một xã hội. Các tác giả LeBlanc, Coutel & Trescases [14, 3] đã đưa ra định nghĩa như sau : "*Văn hóa là cuộc sống, lối sống, cách sử dụng cách suy nghĩ của một cộng đồng mà lịch sử, địa lý, cơ chế của cộng đồng đó khác biệt và phân*